

Tập 230

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang bốn trăm năm mươi:

(Sao) Nhị tức Tịch Chiếu nan tư. Nhược ngôn kỳ hữu, tắc năng niệm chi tâm, bản thể tự không, sở niệm chi Phật, liễu bất khả đắc. Nhược ngôn kỳ vô, tắc năng niệm chi tâm, linh linh bất muội, sở niệm chi Phật, lịch lịch phân minh. Nhược ngôn diệc hữu vô, tắc hữu niệm vô niệm câu mãn. Nhược ngôn phi hữu phi vô, tắc hữu niệm vô niệm câu tồn. Phi hữu tắc thường Tịch, phi vô tắc thường Chiếu, phi song diệc, phi song phi, tắc bất Tịch bất Chiếu, nhi Chiếu nhi Tịch. Ngôn tư lộ tuyệt, vô khả danh trạng, cố duy nhất tâm.

(鈔)二即寂照難思，若言其有，則能念之心，本體自空，所念之佛，了不可得；若言其無，則能念之心，靈靈不昧，所念之佛，歷歷分明；若言亦有無，則有念無念俱泯；若言非有非無，則有念無念俱存。非有則常寂，非無則常照，非雙亦，非雙非，則不寂不照，而照而寂。言思路絕，無可名狀，故唯一心。

(Sao: Hai là “Tịch và Chiếu khó nghĩ tưởng”. Nếu nói nó là Có thì bản thể của cái tâm năng niệm là Không, đức Phật được niệm trọn chẳng thể được. Nếu bảo là Không thì cái tâm năng niệm linh thông chẳng mê muội, đức Phật được niệm vắng vặc phân minh. Nếu bảo là “vừa Có, vừa Không” thì hữu niệm và vô niệm đều mất. Nếu nói “chẳng phải là Có, chẳng phải là Không” thì hữu niệm và vô niệm cùng tồn tại. Chẳng phải Có mà thường Tịch, chẳng phải là Không mà thường Chiếu, chẳng phải là “cùng Có, cùng Không”, chẳng phải là “chẳng phải Có, chẳng phải Không” mà chẳng Tịch, chẳng Chiếu, lại vừa Chiếu, vừa Tịch. Nói năng lẫn suy nghĩ đều chẳng được, không thể nào gọi tên hay hình dung. Vì thế, chỉ là nhất tâm).

Đoạn này nhằm giảng về ý nghĩa thứ hai của Thể Cứu, tức là “Tịch Chiếu nan tư”. Trước hết, chúng tôi nói ý nghĩa của bốn chữ ấy theo phương diện văn tự. Phạm phu, Nhị Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát đều

dùng vọng tâm. Dùng vọng tâm thì từ Nhị Thừa trở lên tuy tu Định, công phu định lực đã tu có [mức độ] thành công kha khá, có thể chế phục vọng tưởng, nhưng các Ngài chưa thể kiến tánh. Ất phải là sau khi đã kiến tánh thì mới dùng chân tâm. Chân tâm là Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tịch, khác xa vọng tâm! Chúng ta niệm Phật, đương nhiên là đại đa số vẫn dùng vọng tâm để niệm. Dùng vọng tâm để niệm mà rất đúng pháp, bèn có thể đời nghiệp vãng sanh. Trong bốn cõi Tây Phương, cõi Phạm Thánh Đồng Cư và cõi Phương Tiện Hữu Dư đều là đời nghiệp vãng sanh. Nếu niệm đến Lý nhất tâm bất loạn, sẽ sanh trong cõi Thật Báo, hoặc cõi Thường Tịch Quang, khác hẳn!

Chúng ta có thể vãng sanh hay không? Đây là một câu hỏi lớn! Nếu muốn vãng sanh, nhất định là phải chế phục phiền não. Chúng ta chẳng đoạn được thì phải chế phục phiền não. Phiền não là gì? Phiền não là vọng tưởng, ngay cả độ chúng sanh cũng là dấy vọng tưởng. Quý vị thường có ý niệm độ chúng sanh, nói thật thà, chẳng thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được! Chẳng thể không có nguyện độ chúng sanh, nhưng chớ nên có ý niệm độ chúng sanh; bởi nó là vọng niệm. Chúng ta suốt ngày từ sáng đến tối niệm câu A Di Đà Phật, vẫn thường nghĩ “ta phải độ chúng sanh”, tức là vọng niệm ấy xen tạp vào đó. Niệm Phật sợ nhất là xen tạp, quyết định chớ nên hoài nghi, chớ nên gián đoạn, chớ nên xen tạp! Pháp tốt đẹp như vậy, chẳng giới thiệu cho người khác, trong lòng rất khó chịu, đó là vọng tưởng. Chư Phật, Bồ Tát chẳng cảm thấy khó chịu, quý vị khó chịu nỗi gì! Vì sao chư Phật, Bồ Tát chẳng khổ sở? Duyên chưa chín muồi. Nếu duyên đã chín muồi, Phật, Bồ Tát tự nhiên sẽ đến. “*Trong cửa nhà Phật, chẳng bỏ một ai*”, người nào nhân duyên đã chín muồi, Phật, Bồ Tát tự nhiên sẽ hóa thân tới độ kẻ ấy, chẳng vứt bỏ một ai! Duyên chưa chín muồi, không thể đến, [vì có hiện thân đến tiếp độ] không chỉ là chẳng thể thành tựu việc gì, trái lại còn là chuyện xấu. Vì sao? Khiến cho kẻ ấy nảy sanh ác cảm, khiến cho thời gian [cần thiết] để duyên của kẻ đó chín muồi bị kéo dài, vậy thì từ bi ở chỗ nào? Đó gọi là ngu si, ngu muội.

Do vậy, trong đời này, chúng ta gặp gỡ Phật pháp, ý niệm đầu tiên là “quyết định phải sanh về Tịnh Độ”. Chỉ sau khi đã sanh về Tịnh Độ thì mới có thể rộng độ chúng sanh, trong một đời này chẳng vội vàng độ chúng sanh. Có đồng tu đề nghị, bảo tôi phải nghĩ phương pháp lưu thông băng thâu âm và băng thâu hình giảng kinh của tôi. Trên thực tế, hiện thời đã được lưu thông chẳng ít, tôi biết nhiều nơi trên cả thế giới đều có. Còn có người dấy lên ý niệm muốn lập một hội gây quỹ, quyên

mộ một khoản tiền để làm chuyện này, có nên hay không? Thoạt nghe thì dường như hay lắm, hiện thời, trong Phật môn có nhiều đạo tràng đều làm theo kiểu ấy, nhưng hễ làm chuyện ấy, sẽ chẳng thể vãng sanh! Chúng ta ngẫm xem: Vãng sanh là khẩn yếu, hay tu phước báo luân hồi trong lục đạo là khẩn yếu? Chúng ta phải cân nhắc cẩn thận! Trong các buổi giảng, tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng tu giới thiệu Phật pháp, đề cao Phật pháp, trong Phật môn nói là “*hoàng dương Phật pháp*”, chúng ta phải làm chuyện này. Dùng tâm thái gì để làm? Tùy duyên, tùy phận, như vậy thì tốt. Đừng nên cố ý thực hiện, chớ nên lập kế hoạch để làm, chẳng cần phải có tổ chức để làm, vì sẽ tạo ra quá nhiều điều tệ hại! Lỡ như chúng ta do hảo tâm, có tổ chức sao cho mỗi huyện đều có một tiêu tổ, có một người phụ trách, lỡ như kẻ ấy hóa duyên tại đó, dùng món tiền [quyên góp] được để tiêu xài cho chính mình, trong tương lai kẻ ấy sẽ đọa địa ngục. Vì sao kẻ ấy đọa địa ngục? Chính là do chúng ta đã cài bẫy đưa kẻ ấy vào địa ngục, tội lỗi ấy quá nặng!

Nhà Phật thường nói: “*Một hạt gạo thí chủ, to như núi Tu Di, kiếp này chẳng liễu đạo, mang lông, đội sừng đến*”. Chúng ta an phận thủ thường, chẳng gánh trách nhiệm nhân quả, như vậy thì mới là tốt đẹp. Chúng ta chủ trương “quyết định chẳng hóa duyên, mà là tùy duyên”. Người ta cúng dường nhiều bèn làm nhiều, có ít bèn làm ít, chẳng có bèn không làm. Làm và không làm tâm đều thanh tịnh, đều tự tại, như vậy là tốt đẹp. Đạo tràng là như thế, mỗi vị đồng tu tại gia phải giữ vững tâm thái như vậy để sống qua ngày, để xử sự, đãi người, tiếp vật, khiến cho cái tâm của chúng ta có thể thật sự an định, một dạ hướng về đạo! Đó là tốt đẹp!

Chúng sanh có phước, Phật, Bồ Tát tự nhiên tới, Phật pháp có thể phổ biến hoàng dương. Chúng ta thấy thời đại hiện tại là có phước hay là có tai nạn? Có đại tai nạn! Quý vị thấy các hiện tượng trong xã hội chẳng phải là hiện tượng tốt lành, tai nạn xảy đến. Đây là cộng nghiệp. Chúng ta nhất định phải đề cao cảnh giác, nhất định phải nhận biết rõ ràng “sanh tử là chuyện lớn, vô thường nhanh chóng”, phải biết nhân quả, nhất định phải đoạn ác tu thiện. Thiện là gì? Tâm địa thanh tịnh là thiện. Tựa đề kinh Vô Lượng Thọ có nói thanh tịnh, bình đẳng, giác chứ không mê, đó là thiện. Nói cách khác, tâm không thanh tịnh là ác, tâm bất bình đẳng là ác, trong tâm mê hoặc, điên đảo là ác.

Học Phật quyết định đừng làm theo kiểu hình thức, quyết định chớ nên làm chuyện náo nhiệt, những điều ấy nhất định tổn hại đạo nghiệp.

Vì sao? Chẳng thể Tịch! “Tịch” (寂) là thanh tịnh, chẳng Tịch lấy đâu ra Chiếu? “Chiếu” (照) chính là trí huệ Bát Nhã. Trước hết, chúng ta phải từ mặt chữ mà liễu giải, nhận rõ: Tịch là Định, Chiếu là Huệ. “Tịch chiếu nan tư” chính là Tịch và Chiếu được phát huy đến mức cao nhất. Thông thường, nói theo Đại Thừa Phật pháp, mức sơ khởi để đạt tới cảnh giới này sẽ là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, hoặc Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo, chẳng thể nghĩ bàn! Chẳng cần nhắc tới hàng Bồ Tát thuộc địa vị sâu, [hàng Bồ Tát] vừa mới đạt đến cảnh giới này đã chẳng thể nghĩ bàn! Hai mươi lăm vị Bồ Tát được nhắc đến trong hai mươi lăm chương giảng về các phép Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm đều là Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo, chẳng phải là rất cao, mà là những vị vừa mới tu thành tựu Lăng Nghiêm Đại Định. Ở đây, chúng ta gọi Lăng Nghiêm Đại Định là Lý nhất tâm bất loạn, [Sơ Trụ Bồ Tát] vừa mới đạt đến cảnh giới ấy. Thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Vì sao chẳng thể nghĩ bàn? Trong đoạn văn này, đã nêu ra đạo lý ấy: Vì nghĩ và bàn đều thuộc về Đệ Nhị Nghĩa. Suy nghĩ, nghiên cứu, và thảo luận đều là tác dụng của tâm ý thức. Lià khỏi tâm ý thức, chẳng có cách nào nghĩ bàn! Chân tâm bản tánh chẳng nghĩ bàn, vì nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có vọng tưởng. Lià khỏi hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, còn có gì để nói nữa? Tôi phải hỏi các đồng tu: Tôi bày vật này ra nơi đây. Lià khỏi hết thấy phân biệt, lià hết thấy tướng danh tự, tướng ngôn thuyết, quý vị hãy nói xem: Đây là gì? Quý vị nói: “Đây là một mảnh giấy”. Tôi bảo quý vị: Chẳng có tướng danh tự, [vậy thì] lấy đâu ra “mảnh giấy”? Hễ dùng tâm ý thức bèn có thể nghĩ bàn. Lià tâm ý thức, chẳng thể nghĩ bàn! Hết thấy các pháp bày trước mặt chúng ta, [chúng ta hiểu] rõ ràng, rành rẽ, đó gọi là Chiếu Kiến. Tôi vừa mới làm thử, các vị đều trông thấy, đó là Chiếu Kiến, đây chính là Chiếu. Tâm là Tịch, rành mạch, rõ ràng, chẳng có ngôn thuyết, mà cũng chẳng có tư duy. Cảnh giới ấy ở chỗ nào? Ở ngay trước mặt chúng ta. Trong cảnh giới, hễ chúng ta khởi tâm, động niệm, cảnh giới ấy (cảnh giới “Chiếu mà Tịch, Tịch mà Chiếu”) chẳng còn nữa, liền biến thành cảnh giới hư vọng. Quý vị gán cho nó một cái tên, đó là giả danh! Nó vốn chẳng có tên. Quý vị gán cho nó một tướng trạng, nó vốn chẳng có tướng trạng. [Tên gọi lẫn tướng trạng] đều sanh từ phân biệt, chấp trước của quý vị. Quý vị coi những thứ do phân biệt, chấp trước sanh ra là thật, lầm lẫn đặc biệt to tát, đó là mê hoặc, điên đảo. Đã hiểu rõ đại tiền đề này thì những điều giải thích tiếp đó sẽ chẳng khó hiểu, quý vị càng xem càng hiểu rõ.

Đôi với các câu “*nhược ngôn kỳ hữu, tác năng niệm chi tâm, bản thể tự không, sở niệm chi Phật, liễu bất khả đắc*” (nếu nói là Có thì bản thể của cái tâm năng niệm là không, đức Phật được niệm trọn chẳng thể được), [sách Diễn Nghĩa] có chú giải năm câu ấy.

(Diễn) Nhược ngôn kỳ hữu ngũ cú, vị năng niệm chi tâm, nhân sở niệm chi Phật nhi hữu.

(演)若言其有五句，謂能念之心，因所念之佛而有。

(Diễn: Năm câu “nếu nói là Có...” ý nói: Cái tâm năng niệm do từ đức Phật được niệm mà có).

Tâm và cảnh đều là duyên sanh. Nếu trong lúc tâm chẳng sanh một niệm, tâm lẫn cảnh đều Không; nhưng khi chúng ta dấy tâm niệm Phật, cảnh giới Phật hiện tiền, Phật là duyên khởi. Do vì niệm Phật, cũng sẽ hiển lộ ngược lại rõ ràng [sự kiện] “[trong tâm] ta đã dấy lên một niệm niệm Phật”, tâm cũng là duyên khởi. Cái tâm năng niệm và đức Phật được niệm làm duyên khởi lẫn nhau. Các pháp do nhân duyên sanh mà! Vì thế nói là nhất tâm, đó là chân tâm. Hễ quý vị niệm Phật, bèn có năng niệm (cái tâm niệm Phật) và sở niệm (đức Phật được niệm). Năng niệm và sở niệm đều phát xuất từ duyên khởi. “*Nhân sở niệm chi Phật nhi hữu*” (Do đức Phật được niệm mà có), [nghĩa là] bèn có cái tâm năng niệm, tâm là duyên khởi. Tâm ấy chính là do có đức Phật được niệm nên mới hiển lộ cái tâm năng niệm. “*Tác năng niệm chi tâm bản thể tự không*” (bản thể của cái tâm năng niệm là Không): Chẳng có đức Phật được niệm, cái tâm năng niệm của quý vị cũng trọn chẳng thể được, cũng chẳng có. Tâm năng niệm là duyên khởi.

(Diễn) Sở niệm chi Phật, nhân năng niệm chi tâm nhi hữu, tác sở niệm chi Phật liễu bất khả đắc.

(演)所念之佛，因能念之心而有，則所念之佛了不可得。

(Diễn: Đức Phật được niệm do cái tâm năng niệm mà có, nên đức Phật được niệm [chính là] trọn chẳng thể được).

Cũng là “bản thể chính là Không”. “*Bản thể tự không*” và “*trọn chẳng thể được*” có cùng một ý nghĩa, tâm và cảnh đều chẳng thể được!

**(Diễn) Dĩ tâm duyên cảnh, tòng vô tự tánh, cố hữu phi hữu dã.
Thử vi Không Quán.**

(演)以心緣境，從無自性，故有非有也。此為空觀。

(Diễn: Do tâm duyên cảnh, vốn chẳng có tự tánh, cho nên “tuy có mà chẳng có”. Đây chính là Không Quán).

Cảnh là sắc pháp. Bản thể của tâm pháp và sắc pháp là Không, quý vị còn có chấp trước gì nữa? Còn phải khởi vọng tưởng chi nữa? Đòi với tất cả hết thấy tướng của quý vị, đức Phật thêm vào một chữ Vọng (妄), tức là “vọng tưởng”. Chân tâm vốn chẳng có tướng; chỉ cần quý vị có tướng đều gọi là vọng tưởng. Quý vị điều gì cũng chẳng tưởng, đó là đúng. Nếu tưởng, sẽ là trật! Chư Phật, Bồ Tát đại từ đại bi phổ độ chúng sanh, các Ngài có tướng hay chẳng? Chẳng tưởng! Chẳng tưởng thì độ [chúng sanh] như thế nào? Tùy duyên độ sanh. Duyên hiện tiền, Phật bèn tận tâm tận lực giúp đỡ kẻ ấy. Duyên chẳng hiện tiền, Ngài như như bất động. Dẫn cho duyên hiện tiền, đến giúp đỡ hết thấy chúng sanh, vẫn là như như bất động, chưa hề khởi tâm động niệm. Kể cả khi đức Phật vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, Ngài là “*nói mà chẳng nói, chẳng nói mà nói*”. Kể sơ học chúng ta [nghe nói như vậy] rất khó hiểu, rõ ràng là có nói, cố sao [bảo là] “chẳng nói”? Giống như gõ khánh, chúng ta cầm dùi gõ nó, khánh bèn ngân vang. Chẳng gõ, nó sẽ không ngân. Hãy thử hỏi, khi chúng ta gõ, nó có dấy lên ý niệm “ta phải ngân vang” hay không? Chẳng có! Do đó, nó là “chẳng ngân mà ngân, ngân mà chẳng ngân”. Thích Ca Mâu Ni Phật thuyết pháp là như thế đó, chẳng có phân biệt, chấp trước, chẳng có tâm, chẳng khởi tâm động niệm! Chúng sanh hỏi gì, Ngài bèn thuận theo lời hỏi để đáp, tuyệt đối chẳng nói: “Quý vị hỏi, ta phải suy xét, ngẫm nghĩ để trả lời quý vị như thế nào”. Nếu là như vậy, sẽ rớt vào ý thức, sẽ là phạm phu. Do vậy, đức Phật thuyết pháp giống như gõ khánh: Gõ mạnh bèn kêu to, gõ nhẹ liền kêu nhỏ, chẳng gõ bèn im tiếng. Đức Phật có thuyết pháp hay không? Chẳng có thuyết pháp! Chúng ta nghe đức Phật thuyết pháp, phải biết nghe. “Biết nghe” chính là lìa tâm ý thức để nghe. Nói cách khác, nghe đức Phật thuyết pháp mà chẳng phân biệt, không chấp trước, không giữ lại ấn tượng, nghe pháp như vậy bèn có thể khai ngộ. Càng nghe, tâm càng thanh tịnh. Thanh tịnh đến một mức độ nhất định, sẽ khai ngộ, tương ứng với tâm Phật, mà cũng tương ứng với tâm tịch tĩnh. Tâm Phật

tịch tĩnh, tâm chúng ta cũng tịch tĩnh. Giữa tịch tĩnh và tịch tĩnh, chẳng có giới tuyến, hết thấy đều thông đạt vô ngại. Thật sự dụng công, thật sự tin Phật, thật sự tin tự tánh có vô lượng công đức, điều này vô cùng quan trọng!

Đây là nhìn theo Thể; vì thể nói là Không Quán. Bản thể của nó chính là Không, trọn chẳng thể được. Những điều này đều nhằm nói rõ chân tướng của nhân sinh và vũ trụ.

(Diễn) Nhược ngôn kỳ vô ngũ cú, vị nhân sở niệm chi Phật, dẫn sanh năng niệm chi tâm.

(演)若言其無五句，謂因所念之佛，引生能念之心。

(Diễn: Năm câu “nếu nói là không...” ý nói do đức Phật được niệm mà dẫn khởi, phát sanh cái tâm năng niệm).

Tâm năng niệm do đâu mà có? Do đức Phật được niệm dẫn khởi.

(Diễn) Tác năng niệm chi tâm tỉnh tỉnh bất muội.

(演)則能念之心惺惺不昧。

(Diễn: Nên cái tâm năng niệm sáng suốt, chẳng mê muội).

Tâm ấy rõ ràng, minh bạch, giống như tôi vừa mới cầm một tờ giấy [giơ lên] cho mọi người xem. Há chẳng phải là quý vị đã thấy rõ ràng, minh bạch hay sao? Quý vị dùng gì để thấy? Tâm! Dùng cái tâm thấy. Vì chẳng cho phép quý vị phân biệt, không cho quý vị chấp trước, cái tâm được dùng là chân tâm. Khởi tâm động niệm, phân biệt, chấp trước là vọng tâm, thuộc vào tám thức và năm mươi một Tâm Sở. Ngay trong khi quý vị chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, chẳng có phân biệt, chấp trước, những gì quý vị đã thấy chính là nhìn bằng tánh Thấy, thấy bằng chân tâm. Chân tâm thấy pháp tánh. Phạm phu chúng ta cũng có, đáng tiếc chẳng giữ được lâu dài. Niệm thứ nhất là tâm, thấy bằng tánh Thấy, niệm thứ hai là thấy bằng Nhãn Thức, ngay lập tức [vạn pháp] bị biến chất, biến quá nhanh chóng! Chư Phật, Bồ Tát thấy, vĩnh viễn chẳng biến chất, cho nên những điều các Ngài thấy toàn là chân tướng, thật tướng. Trong cái Thấy của chúng ta, Thật Tướng đã bị chuyển biến thành tướng hư vọng. Cái tâm này nhận biết rành mạch, rõ ràng!

(Diễn) Nhân năng niệm chi tâm, dẫn sanh sở niệm chi Phật.

(演)因能念之心，引生所念之佛。

(Diễn: Do cái tâm năng niệm, dẫn khởi đức Phật được niệm).

Đức Phật được niệm do đâu mà có? Do cái tâm năng niệm hiển hiện.

(Diễn) **Tác sở niệm chi Phật lịch lịch phân minh.**

(演)則所念之佛歷歷分明。

(Diễn: Nên đức Phật được niệm vắng vặc phân minh).

Vị Phật ấy ở ngay trước mặt, rành rẽ, rõ ràng.

(Diễn) **Dĩ tánh Không chi xứ, bất ngại duyên sanh.**

(演)以性空之處，不礙緣生。

(Diễn: Do nơi tánh Không chẳng trở ngại duyên sanh).

Tâm năng niệm là duyên sanh, đức Phật được niệm là duyên sanh. Nói theo hiện tướng (tướng biến hiện) thì là duyên sanh; nói theo Thể, quyết định là không tịch, trọn chẳng thể được. Tướng có, Thể không, giống như nằm mộng, quyết định là Thật Tướng. Thật Tướng là tướng chân thật, quyết định là tướng chân thật. Quý vị chẳng lãnh hội đến cấp độ này, những gì quý vị trông thấy đều là tướng hư vọng. Tướng hư vọng sẽ đem lại vô lượng vô biên phiền não cho quý vị, khiến cho quý vị tạo nghiệp, khiến cho quý vị bị khổ báo luân hồi. Nếu quý vị thấy Thật Tướng, tâm quyết định thanh tịnh. Tâm quý vị đã định, thường sanh trí huệ, chẳng hai, chẳng khác với Phật. Nói thật ra, Phật và chúng sanh là do một niệm sai khác, thường nói là “sai chỉ hào ly, mất đi ngàn dặm”. Sai biệt nhỏ nhất ngàn ấy, hễ quý vị có thể chuyển điều nhỏ nhất ấy, bèn lập tức thành Phật.

(Diễn) **Cố vô phi vô dã.**

(演)故無非無也。

(Diễn: Do đó, không mà chẳng phải là không).

Chẳng phải là “thứ gì cũng đều chẳng có”, tướng là có.

(Diễn) Thử vi Giả Quán.

(演)此為假觀。

(Diễn: Đây là Giả Quán).

Chư vị phải hiểu: Tướng toàn là giả. Có tướng hay không? Có, nhưng chẳng thật. Có là giả! Kinh Kim Cang đã nói rất hay: “*Như mộng, huyễn, bào, ảnh*”. Mộng, huyễn, bọt, bóng là có! Ai nấy đều có thể nằm mộng. “*Huyễn*” (幻) là gì? Huyền là làm ảo thuật. Nhà ảo thuật biến hóa, biến ra những thứ nhìn giống như là có thật, nhưng thật ra, chúng là giả! Đó là huyễn hữu. “*Bào*” (泡) là bọt nước. Các vị đến bờ biển sẽ thấy bọt nước. “*Ảnh*” (影): Nay chúng ta xem TV, những hình ảnh trên TV đều là ảnh. Như mộng, huyễn, bọt, bóng, chẳng có thứ gì là chân thật. Chư Phật, Bồ Tát ở trên thế gian được gọi là “*du hý thần thông*”, du hý thần thông là gì? Trong cảnh giới, các Ngài chẳng phân biệt, không chấp trước, không khởi tâm, chẳng động niệm. Bất luận cảnh duyên là thuận hay nghịch, các Ngài đều tự tại. Trong thuận cảnh, các Ngài chẳng sanh tham ái; trong nghịch cảnh chẳng sanh sân khuê, tâm các Ngài thanh tịnh, bình đẳng. Vì thế, các Ngài cảm nhận vạn pháp như nhau, chẳng có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả. Do muôn pháp như nhau, tâm thường trụ trong Định. Hễ có khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, tâm chẳng định, Định bị mất đi. Vì sao? Tâm động. Tâm các Ngài bất động.

Người thật sự học đạo trong hết thấy các cảnh duyên, “*cảnh*” là hoàn cảnh vật chất, “*duyên*” là hoàn cảnh nhân sự, trong hết thấy các hoàn cảnh, tu cái tâm bất động. Đó là Phật pháp. Bất luận tông nào hay phái nào, thấy đều tu điều này, chỉ là phương pháp tu khác nhau. Tịnh Độ Tông dùng phương pháp trong pháp môn Niệm Phật để tu, hòng ngăn dứt khởi tâm động niệm. Trong thuận cảnh, dấy lên một chút tâm tham, ngay lập tức “A Di Đà Phật”, chuyển ý niệm ấy, chuyển thành A Di Đà Phật, trừ khử tham. Trong nghịch cảnh, tâm khởi lên đôi chút buồn bực, hoặc dấy tâm sân khuê, ngay lập tức đổi thành A Di Đà Phật, trừ bỏ sân niệm, dùng phương pháp này. Dạy quý vị trong bất luận cảnh giới nào, quý vị gìn giữ “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” trong cái tâm của chính mình, đó gọi là “*người niệm Phật*”, người ấy thật sự niệm Phật. Trọn chẳng phải là miệng niệm Phật, trong tâm vẫn muốn gây chuyện thị phi, nhân ngã, vẫn muốn nói dối, nói đôi chiều, vẫn muốn tham, sân, si, mạn, miệng đúng, tâm sai, sai bét rồi! Đó chẳng phải là người niệm Phật.

Niệm Phật kiêu đó, chẳng thể vãng sanh. Người niệm Phật nhất định là niệm niệm đều trụ trong “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, niệm Phật kiêu đó quyết định vãng sanh. Bản thân chúng ta tu như vậy, cũng dạy kẻ khác tu như vậy. Đây mới là tự lợi, lợi tha, hoằng pháp lợi sanh.

Biết hết thấy cảnh giới đều là giả, tự nhiên chẳng sanh phiền não. Hết thấy đều là giả, có gì đáng để tham luyến? Giả trát, chẳng thật! Hết thấy đều là mộng, huyền, bọt, bóng, có gì đáng để cấu giận? Hiểu Lý, tâm bèn an, thấy rõ ràng, rành rẽ chân lý, đã hiểu, tâm tự nhiên an, tự nhiên buông xuống những nỗi ưu lự, sợ sệt, vướng mắc. Thân tâm của chúng ta cũng là duyên khởi, cũng chẳng phải là chân thật. Ngày mai chẳng có cái để ăn, bèn chết đói. Nói thật ra, ai chết đói? Thân thể trọn chẳng thể được, cảnh giới trọn chẳng thể được, ai chết? Chẳng có sanh tử, ngay lập tức sanh tử được giải quyết, đó là “liễu sanh tử”, chẳng có sanh tử! Sanh tử do đâu mà có? Sanh tử cũng từ duyên khởi. Vì quý vị sợ chết, cái chết hiện ra ngay trước mặt, quý vị bèn kinh hoảng, đều do chính mình biến hiện. Trừ tự tâm ra, há còn có pháp nào nữa? Chẳng có! Ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm. Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới đều là giả tướng do tự tâm duyên khởi biến hiện. Đây là Giả Quán. Không Quán là quán bản thể. Đã hiểu rõ Lý, Giả Quán là nhìn vào hiện tượng, cũng hiểu rõ hiện tượng.

Sau đó là nói tới Trung Quán. Trung Quán là gì? Trong cảnh giới, chúng ta sống như thế nào? Hưởng thụ cảnh giới ấy ra sao? Hưởng thụ bình thường. Trong hưởng thụ, quyết định chẳng tạo nghiệp, quyết định chẳng sanh phiền não, quyết định chẳng khởi tâm động niệm. Cuộc sống như vậy là cuộc sống của chư Phật, Bồ Tát. Nếu quý vị học hiểu, sẽ phải thay đổi danh xưng, chẳng thể gọi là người nữa, phải gọi quý vị là Bồ Tát. Những thứ khác cũng chẳng thay đổi, tâm và cảnh đều chẳng thay đổi, thay đổi danh tự mà thôi. Không gọi là người nữa, mà gọi quý vị là Phật, Bồ Tát.

(Diễn) Nhược ngôn diệc Hữu diệc Vô nhị cú.

(演)若言亦有亦無二句。

(Diễn: Hai câu “nếu cũng có, cũng không”).

Đây là “tắc hữu niệm vô niệm câu môn” (hữu niệm và vô niệm đều mất).

(Diễn) Vị nhược song chấp Hữu Vô.

(演)謂若雙執有無。

(Diễn: Ý nói: Nếu cùng chấp Có lẫn chấp Không).

Nếu quý vị chấp trước “cũng Có, cũng Không”, điều then chốt là Chấp. Trừ bỏ Chấp, vấn đề bèn được giải quyết. Quyết định chớ nên chấp trước! Xóa sạch chấp trước, quý vị nói là Có cũng được, bảo là Không cũng được, hoặc nói là “cũng Có, cũng Không”, chẳng có gì không đúng. Pháp nào cũng là đạo, việc gì cũng thuận lợi. Hễ có Chấp, câu nào cũng đều trật, chẳng có một câu nào là đúng! Điềm then chốt là chấp trước.

Ở đây, nói tới sự song chấp Hữu Vô, [tức là] đã chấp trước Có, lại chấp trước Không.

(Diễn) Tắc chánh đương bản thể tự không liễu bất khả đắc thời, hựu linh linh bất muội lịch lịch phân minh, dĩ Hữu đoạt Vô dã.

(演)則正當本體自空了不可得時，又靈靈不昧歷歷分明，以有奪無也。

(Diễn: Như vậy thì ngay trong lúc bản thể là không, trọn chẳng thể được, lại là linh thông, chẳng mê muội, vắng vặc phân minh, tức là dùng Hữu để đoạt Vô vậy).

Không thể nói là nó chẳng có, rõ ràng là có, rành mạch, rõ ràng. Đây là phá sự chấp trước về Vô.

(Diễn) Chánh đương linh linh bất muội lịch lịch phân minh thời, hựu bản thể tự không liễu bất khả đắc, dĩ Vô đoạt Hữu dã.

(演)正當靈靈不昧歷歷分明時，又本體自空了不可得，以無奪有也。

(Diễn: Ngay đang trong lúc vắng vặc phân minh chẳng mê muội, bản thể lại trọn chẳng thể được, [chính là] dùng Vô để đoạt Hữu).

Đây là phá chấp trước Có.

(Diễn) Hổ đoạt lưỡng vong, tắc Hữu Vô song mất.

(演)互奪兩亡，則有無雙泯。

(Diễn: Hai bên đoạt lẫn nhau nên cùng mất, chính là Hữu và Vô cùng mất).

Quý vị nói “cũng Không” chẳng thể thành lập, mà quý vị nói “cũng Có” cũng chẳng thể thành lập. “*Hỗ đoạt lưỡng vong*”: Hai bên đều chẳng thể thành lập. “*Tắc Hữu Vô song mất*”: “*Mất*” (泯) là tiêu mất, hai bên “cũng Có” và “cũng Không” đều tiêu mất.

(Diễn) *Thử song giá nhị biên chi Trung Đạo Quán dã.*

(演)此雙遮二邊之中道觀也。

(Diễn: Đây chính là Trung Đạo Quán ngăn dứt cả hai bên [Hữu và Vô]).

Hai bên đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo. Đây là “*song giá*” (雙遮: ngăn dứt cả hai). Hễ ngăn dứt bên tương ứng với Thể, tương ứng với Lý.

(Diễn) *Nhược ngôn phi hữu phi vô nhị cú.*

(演)若言非有非無二句。

(Diễn: Hai câu “nếu nói chẳng phải có, chẳng phải không...”).

“Cũng Có, cũng Không” chẳng thể thành lập, tức là “chẳng phải Có, chẳng phải Không”. [Nếu chấp là] “chẳng phải Có, chẳng phải Không” thì lại sai mất rồi. Sai ở chỗ nào? Dưới đây, [sách Diễn Nghĩa] giảng giải:

(Diễn) *Vị nhược song phá Hữu Vô.*

(演)謂若雙破有無。

(Diễn: Ý nói nếu cùng phá Có và Không).

Chẳng phải Có, chẳng phải Không, hai bên Có và Không cùng bị phá.

(Diễn) *Tắc nhân bản thể tự không liễu bất khả đắc, cố đắc linh linh bất muội lịch lịch phân minh, nhân Vô thành Hữu dã.*

(演)則因本體自空了不可得，故得靈靈不昧歷歷分明，因無成有也。

(Diễn: Thì do bản thể vốn là Không, trọn chẳng thể được, cho nên linh thông chẳng mê muội, vắng vặc phân minh, [đó chính là] do Không mà thành Có vậy).

“Linh linh bất muội” là tâm, “lịch lịch phân minh” là cảnh. Tâm và cảnh sanh từ Không, từ trong Không mà sanh ra Có, quý vị chẳng thể nói nó là Không được!

(Diễn) Nhân linh linh bất muội lịch lịch phân minh, cố đắc bản thể tự Không, liễu bất khả đắc, nhân Hữu thành Vô dã. Hổ thành song lập, tác Hữu Vô câu tồn, thử song chiếu nhị biên chi Trung Đạo Quán dã.

(演)因靈靈不昧歷歷分明，故得本體自空了不可得，因有成無也。互成雙立，則有無俱存，此雙照二邊之中道觀也。

(Diễn: Do linh thông bất muội, vắng vặc phân minh, nên bản thể là Không, trọn chẳng thể được, [đó chính là] do Có mà thành Không. Do thành lẫn nhau mà đôi bên cùng được kiến lập, nên Có và Không đều tồn tại. Đây chính là Trung Đạo Quán chiếu soi cả hai bên).

Đoạn này nói theo hiện tượng (hình tượng được biến hiện) nơi tâm và cảnh. Nói theo hiện tượng thì Có; nói theo Lý Thể, sẽ là Không. Chỉ cần quý vị không chấp trước, quý vị nói Có, đúng lắm! Quý vị nói Không, cũng đúng luôn! Chỉ sợ chấp trước, chấp trước là bệnh, sự chấp trước ấy được gọi là Pháp Chấp. Chư vị phải biết: Phá Ngã Chấp bèn chứng quả A La Hán; phá Pháp Chấp bèn thành Phật. Vì sao đức Phật coi chấp trước quan trọng dường ấy? Quý vị có những chấp trước ấy, sẽ không thể kiến tánh, chẳng thể thành Phật, nhất định phải phá trừ chấp trước.

Đôi trước hết thầy đại chúng thuyết pháp, đức Phật có lúc nói Có, có khi nói Không. Chúng ta nảy sanh hoài nghi: “Đức Phật thuyết pháp trước sau chẳng nhất trí, thường là trước sau mâu thuẫn”! Phải biết: Phật chẳng có pháp để thuyết! Quý vị chấp trước Có, đức Phật bèn nói Không.

Kẻ khác chấp trước Không, đức Phật liền nói Có với kẻ đó. Đức Phật nói Có hay Không đều nhằm phá chấp trước của quý vị. Chấp trước bị phá vỡ, chuyện ấy chẳng còn nữa! Đức Phật phá chấp trước mà! Quý vị chấp trước Có, Ngài bảo quý vị Không, đúng lắm! Ngài nói rất đúng, ngay lập tức quý vị được thọ dụng. Đối với kẻ chấp trước Không, đức Phật nói Có, kẻ ấy cũng được thọ dụng, ngay lập tức khai ngộ chứng quả, ai nấy đều được lợi ích. Đối với người chấp trước Có mà đức Phật nói Có, sẽ hại kẻ đó. Đối với kẻ chấp trước Không, đức Phật nói Không với người ấy, cũng là nói sai mất rồi!

Quý vị hãy xem Lục Tổ Đàn Kinh, Lục Tổ truyền dạy học trò mai sau thuyết pháp lợi sanh như thế nào? Hết thấy các pháp được nói đều là nói theo hướng phản diện. Đức Phật không có pháp nào để có thể nói, nhằm phá chấp trước của chúng sanh mà thôi. Ba mươi sáu cặp [vấn đáp] trong Lục Tổ Đàn Kinh chính là nguyên lý và nguyên tắc để chư Phật, Bồ Tát thuyết pháp cho hết thấy chúng sanh.

Thật ra có pháp gì hay chẳng? Chẳng có pháp! Tâm cũng chẳng có, cảnh cũng chẳng có, còn có pháp gì để nói nữa? Quý vị chấp trước gì, bèn xóa sạch chấp trước ấy, đó là đúng. Đến khi quý vị chẳng chấp trước, còn có Phật pháp hay không? Chẳng có Phật pháp! Phật pháp cũng chẳng có. Do chúng sanh chấp trước mà Phật pháp được kiến lập, giống như chúng sanh có bệnh thì mới có thuốc. Chúng sanh đều chẳng có bệnh, lấy đâu ra thuốc? Chẳng có thuốc! Không chỉ là chẳng có thuốc, danh từ “*thuốc*” cũng chẳng có. Cho thuốc tương ứng căn bệnh, uống thuốc vào bèn hết bệnh. Bệnh đã hết, thuốc cũng chẳng còn. Đó gọi là Phật pháp.

Song Giá là nói theo Lý, Song Chiêu là nói theo Sự, không gì chẳng nhằm phá trừ chấp trước mà thôi!

(Diễn) Hữu vô tứ cú thị bệnh.

(演)有無四句是病。

(Diễn: Bốn câu “có, không” là bệnh).

“*Có, không, cũng có cũng không, chẳng phải có chẳng phải không*”, bốn câu ấy là bệnh căn. Tất cả hết thấy chúng sanh đều chấp trước như vậy. Đối với thân, tâm, vạn vật, trong quan niệm và tư tưởng của họ, có bốn thứ chấp trước ấy. Đó gọi là phạm phu, là ngoại đạo, là

Tiểu Thừa. Kinh Lăng Nghiêm xếp Tiểu Thừa thành một loại ma, [nguyên nhân là do Tiểu Thừa] tri kiến bất chánh, họ có Pháp Chấp.

(Diễn) Tam Quán thị dược.

(演)三觀是藥。

(Diễn: Tam Quán là thuốc).

[Tam Quán là] Không Quán, Giả Quán, và Trung Quán. Trong Trung Quán, có Song Giá Trung Quán và Song Chiếu Trung Quán. Dùng phương pháp ấy để trừ khử bệnh căn mê hoặc, điên đảo.

(Diễn) Nhược tứ cú ký ly, tắc Tam Quán diệt tuyệt.

(演)若四句既離，則三觀亦絕。

(Diễn: Nếu đã li bốn câu thì ba phép Quán cũng mất).

Tam Quán là thuốc, bệnh đã lành, thuốc chẳng còn nữa, Tam Quán cũng chẳng có. Ngàn muôn phần chó nên chấp trước có Tam Quán. Chấp trước Tam Quán, sẽ lại biến thành bị bệnh. Rốt cuộc Tam Quán là có hay không? Hay là cũng có cũng không? Hay là chẳng phải có chẳng phải không? Lại biến thành bốn câu. Chư vị phải hiểu, mỗi một pháp đều có bốn câu. Chúng ta chấp trước người này, người này là nam nhân, rốt cuộc là có nam nhân hay không? Hay là cũng có cũng không nam nhân? Hay là chẳng có chẳng không nam nhân? Tùy tiện lấy một pháp nào, cũng đều là bốn câu. Nếu quý vị hỏi: Vô minh là gì? Điên đảo là gì? Bốn câu ấy là vô minh, bốn câu ấy là vọng tưởng điên đảo. Hết thấy vật, hết thấy sự, hết thấy lý, hết thấy cảnh, mỗi một pháp đều có bốn câu này. Chúng ta niệm Phật, có rất nhiều người niệm Phật mà hoài nghi, chẳng đoạn nghi căn: Tây Phương Cực Lạc thế giới rốt cuộc là có hay không? Hay là cũng có cũng không? Hay là chẳng phải có chẳng phải không? Người ấy đề ra những hạng mục ấy. Người ta vừa xướng lên, chúng ta suy nghĩ, [cảm thấy] chẳng sai! Rốt cuộc là có hay chẳng có? Tâm liền loạn động!

(Diễn) Thử trung, Hữu tức Tục Đế, Vô tức Chân Đế, song diệt song phi tức Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đế.

(演)此中有即俗諦，無即真諦，雙亦雙非即中道第一義諦。

(*Diễn*: Trong ấy, Có chính là Tục Đé, Không là Chân Đé, “cũng có cũng không” và “chẳng phải có chẳng phải không” chính là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đé).

“Trung Đạo” là không rơi vào hai bên, hai bên đều chẳng chấp trước, đó là Trung Đạo. Đối với hết thảy cảnh duyên, tùy thuận là được rồi. Tùy thuận thì quyết định chớ nên khởi tâm động niệm, chớ nên suy nghĩ ta phải như thế nào, [nếu suy nghĩ phải như thế này, như thế nọ] tức là tự mình chuốc khổ. Hễ suy nghĩ ta phải như thế này, như thế nọ, đó là tạo nghiệp. Quý vị hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức, sẽ chẳng phải là tạo nghiệp, mà là công đức. Công đức là gì? Tương ứng với pháp tánh, tương ứng với Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đé; đấy là công đức. Vì sao phải nghĩ tương? Khởi tâm động niệm là phan duyên. Người thật sự học Phật, tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh có quá nhiều lợi ích. [Lợi ích] thứ nhất của tâm thanh tịnh là đắc pháp hỷ, hoan hỷ, vui sướng. Phật pháp nói “*liạ khổ được vui*”, lời này là thật, chẳng giả. Tâm địa quý vị thanh tịnh, bèn vui sướng, pháp hỷ sung mãn. Nho gia cũng nhấn mạnh chuyện này, câu đầu tiên trong Luận Ngữ là “*Học nhi thời tập chi, bất diệc duyệt hồ*” (Học rồi tập luyện, cũng chẳng vui sao)? “*Duyệt*” (悅) là pháp hỷ, “*tập*” (習) là phải đem những điều quý vị đã học ứng dụng vào cuộc sống, biến thành thói quen trong cuộc sống của chính mình. Trong ấy bèn có pháp hỷ. Pháp hỷ là chất bồi bổ tốt nhất đối với thân tâm, khỏe mạnh, sống lâu, chẳng bệnh, chẳng già. Tục ngữ nói: “*Ưu năng sử nhân lão*” (Lo âu khiến người ta già xọm). Một kẻ có nhiều tham, sân, si, mạn, lắm nỗi lo âu, vướng mắc, sẽ già suy rất nhanh, và cũng dễ dàng nhiễm bệnh. Vì sao? Thân tâm chẳng thanh tịnh. Đây là lợi ích thiết thực cho chúng ta, quý vị bèn biết tu tâm thanh tịnh trọng yếu dường ấy! Trong kinh này, điểm lợi ích được đặc biệt chú trọng là [kinh này] thật sự giúp chúng ta đoạn nghi sanh tín. Học xong, lập tức có thể áp dụng vào cuộc sống, lợi ích ở chỗ này. Nó chẳng phải là lý luận, mà lập tức có thể biến thành cuộc sống của chúng ta.

Nay chúng ta gọi “*Đé*” (諦) là chân lý. Nói theo Phật pháp, Đé chính là ý nghĩa chắc thật, là thực tại, chẳng sai tí nào! Hữu là Tục Đé, tức là kiến giải của người thế tục. Hữu là Giả Hữu, chẳng thật. Vô là Chân Đé, Vô là Không, chớ nên hiểu “Vô là hoàn toàn không có gì”, [hãy nên hiểu] là “*Thế vô*”, tức là vô tự tánh. Hết thảy vạn pháp chẳng có tự tánh, chẳng có tự thể, có sao mà có? Do duyên sanh. Phạm là

duyên sanh thì đều chẳng có tự tánh, đó là thật. “*Song diệc song phi*” là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa Đệ.

(Diễn) Cử nhất tức tam, ngôn tam tức nhất.

(演)舉一即三，言三即一。

(Diễn: Nêu ra một thì chính là ba, nói ba mà chính là một).

Ba điều ấy là một chuyện. Nếu chúng ta thật sự triệt để liễu giải hết thấy vạn vật là “*Thế không, Tướng có*”, chúng ta dùng Trung rất sung sướng. Dùng Trung như thế nào? Quyết định chẳng chấp trước chính là quý vị dùng Trung. Người biết dùng Trung, sẽ nhập cảnh giới Hoa Nghiêm “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Vì sao người thế gian khởi tâm động niệm thì hết thấy đều là chướng ngại? Vì họ có chấp trước; hề có chấp trước thì còn có chướng ngại. Chẳng có chấp trước, sẽ chẳng có chướng ngại. Phật pháp nói xuyên suốt sẽ là “phá chấp trước mà thôi”, trọn chẳng có pháp môn nào khác, phá chấp trước mà thôi. Đó là nói “*tuy một mà ba, tuy ba mà một*”. Nói thật ra, tận hư không khắp pháp giới và chính mình là một Thế. Thật đấy! Chẳng giả tí nào. Hư không pháp giới đều là tự tánh duyên khởi, chẳng có gì không phải là tự tánh duyên khởi. Đó gọi là “*ngoài tâm chẳng có pháp, ngoài pháp chẳng có tâm*”, là một, không hai.

(Diễn) Giai như cảnh dã.

(演)皆如境也。

(Diễn: Đều là cảnh của Như vậy).

“*Như*” là Chân Như bản tánh, đều là cảnh giới của Chân Như bản tánh.

(Diễn) Cố vân Bát Nhã như hỏa tụ, tứ diện bất khả nhập.

(演)故云般若如火聚，四面不可入。

(Diễn: Vì thế nói Bát Nhã như đống lửa, bốn phía chẳng thể tiến vào được).

Đây là một tỷ dụ trong kinh Đại Bát Nhã. Bát Nhã giống như đống lửa, bất luận từ phía nào, quý vị cũng đều chẳng thể tiến vào. Hễ tiến vào

đều bị nó đốt rụi, tỷ dụ sự chiếu phá: Tất cả hết thấy vọng tưởng, chấp trước, hễ Bát Nhã hiện tiền, chúng đều chẳng còn nữa, đều bị chiếu phá, có ý nghĩa này. Phiền não giống như củi đốt, đung phải lửa đều bị đốt rụi. Lửa trí huệ, củi phiền não là tỷ dụ này.

(Diễn) Hựu vân Bát Nhã như thanh lương trì, tứ diện giai khả nhập dã.

(演)又云般若如清涼池，四面皆可入也。

(Diễn: Lại nói Bát Nhã như ao thanh lương, bốn phía đều có thể vào).

Bát Nhã giống như ao thanh lương, gieo mình vào đó, thân tâm tự tại, vui sướng khôn sánh. Đây là nói tới sự thọ dụng, hưởng vui. Trong đoạn trên là tỷ dụ sự lừa khổ, đoạn phiền não, phá trừ Phiền Não Chướng. Đây là lý do vì sao nói là “*Tịch Chiếu nan tư*”.

“*Tác bất Tịch, bất Chiếu, nhi Chiếu, nhi Tịch, ngôn tư lộ tuyệt, vô khả danh trạng, cố duy nhất tâm*” (Nên chẳng Tịch, chẳng Chiếu, vừa Chiếu, vừa Tịch, dứt bất nói năng, suy nghĩ, không thể gọi tên hay mô tả, nên chỉ là nhất tâm). Đó gọi là “nhất tâm bất loạn, Tịch và Chiếu đồng thời”, thuộc về hiện tượng tự nhiên. Trong kinh Vô Lượng Thọ, đức Phật nói tám thứ tự nhiên. Trong kinh Đại Thừa, đức Phật thường nói “*pháp nhĩ tự nhiên*” (pháp vốn tự nhiên là như vậy). Giống như nước, khi nước trong lặng, tự nhiên nó có tác dụng Chiếu. Xét theo sự tịch tĩnh của nước, sẽ là ý nghĩa Tịch. Xét theo [khả năng] chiếu cảnh giới bên ngoài, sẽ là ý nghĩa Chiếu. Chiếu thuộc về Bát Nhã, Tịch thuộc về tâm thanh tịnh, thuộc về Định; chúng ta nói là “*Định Huệ song vận*”, là đồng thời.

Huệ do Định mà có, chẳng phải là đạt được bởi văn tự. Tôi thường khuyên lơn, khích lệ các đồng tu phải tu Định, phải thật sự tu. Quý vị mong trong tương lai trở thành pháp sư đại đức giảng kinh, thuyết pháp, mà cứ một mực nghiên cứu Tam Tạng kinh điển, sẽ chẳng thể thành công. Vì sao? Giảng Tam Tạng kinh điển đến mức hoa trời rơi tán loạn, học thuộc nhuần nhừ, chẳng có mảy may nào liên quan đến tâm tánh của chính mình! Quý vị chẳng có trí huệ, những gì quý vị đã giảng là do nhớ nhiều, nghe nhiều, đó gọi là “*ký vấn chi học*” (cái học do hỏi han, ghi nhớ), chẳng phải là trí huệ. Nho gia hết sức coi rẻ cái học ký vấn. Trong sách Lễ Ký có nói: “*Ký vấn chi học, bất khả dĩ vi nhân sư dã*” (Với cái học thức có được do cách học ký vấn, chẳng thể làm thầy người

khác). Nếu quý vị làm thầy người khác, nhất định là sẽ khiến cho con em người khác bị làm lỡ! Nhất định phải khai ngộ! Để khai ngộ thì phải tu Định, nhất định là phải tu tâm thanh tịnh. Đối với pháp môn Tịnh Tông, nhất định là phải niệm đến mức nhất tâm bất loạn. Chẳng đạt được Lý nhất tâm bất loạn thì nhất định phải đạt đến Sự nhất tâm bất loạn. Vì sao? Mới có thể khai trí huệ. Chư vị phải hiểu: Tu Định quan trọng hơn nghiên cứu giáo pháp khá nhiều! Vì sao chẳng cho phép kẻ mới học nghiên cứu kinh giáo? Nếu cho phép quý vị nghiên cứu kinh giáo, sẽ hại chết quý vị! Nay quý vị không biết, nhưng trong tương lai quý vị chẳng thể thành tựu, sẽ kiếm tội làm phiền. Quý vị bị đọa trong lục đạo tam đồ, sẽ nói: “Tôi tôn ông làm thầy, bị ông hại”. Tới khi đó, chẳng gột sạch quả báo ấy được! Nay tôi dạy quý vị, quý vị chẳng nghe theo, đến lúc đó, quý vị đọa lạc, chẳng thể trách tôi!

Do vậy, tu Định là quan trọng, tu nhất tâm bất loạn quan trọng! Mức độ thấp nhất là phải đạt tới Sự nhất tâm, tâm địa thật sự thanh tịnh, quang minh, từ bi. Từ bi thì mới có thể yêu thương, kính trọng người khác; sau đấy, quý vị nghiên cứu kinh giáo thì mới hữu dụng, có ích cho quý vị, chẳng có chỗ họa hại. Quý vị chẳng có cơ sở này mà nghiên cứu kinh giáo, sẽ có hại, chẳng được lợi. Chẳng thông hiểu kinh giáo thì còn rất thật thà, còn rất khiêm hư, thấy người khác thì hãy còn rất cung kính. Nghiên cứu đôi chút kinh giáo, mắt bèn trợn ngược lên đỉnh đầu, xem thường người khác, kiêu căng, ngã mạn, tạo nghiệp cả đống. Một niệm kiêu căng, ngã mạn, chính là nguyên nhân đọa địa ngục. Vẫn là thật thà một chút, khiêm hư một chút, cung kính người khác một chút sẽ tốt hơn, luôn tu phước, chẳng tạo ác nghiệp. Do vậy, đối với chuyện học Phật, cổ đức thường khuyên chúng ta “*thật thà niệm Phật*”. Nói thật ra, bất luận tông phái nào cũng đều phải thật thà. Người thật thà sẽ có thành tựu, kẻ không thật thà quyết định chẳng có thành tựu. “*Trước cửa địa ngục, tăng đạo đông*”, [những kẻ đọa lạc] đều là phường chẳng thật thà! Người thật thà làm sao có thể đọa địa ngục cho được? Bất luận xuất gia hay tại gia đều phải học thật thà, phải tiến từng bước, tiến dần theo thứ tự, chớ nên vượt cấp, đừng nên ham cao chuộng xa, phải giữ bản phận của chính mình.

Nói thật thà, đối với chức vụ được giao phó trong đoàn thể, phải tận tâm tận lực làm tròn công việc. Chẳng bị giao phó chức vụ, đúng là được Phật, Bồ Tát gia hộ, ta chẳng có chuyện gì, tâm địa thanh tịnh. Trách nhiệm càng nặng, chịu trách nhiệm nhân quả càng to. Ví như hiện thời có rất nhiều người muốn làm Trụ Trì, hoặc muốn làm Đương Gia.

Làm Trụ Trì thì phải giáo hóa một phương, chẳng dùng chánh pháp để giáo hóa một phương, quả báo của người ấy cũng rất thảm. Giống như ở nơi đây mở một trường học, mời quý vị đến làm hiệu trưởng. Hiệu trưởng [có trách nhiệm] giáo dục ở nơi đây. Nếu quý vị chẳng tận tâm tận lực thực hiện, tuy quý vị là người rất tốt, cũng chẳng tham ô, mà cũng chẳng phạm pháp, nhưng quý vị chẳng tận hết trách nhiệm, tội lỗi bèn nặng nề, chẳng thà làm thanh chúng (đại chúng thanh tịnh tu hành), chẳng có trách nhiệm! Có gì phải tranh giành? Người thật sự thông minh, có trí huệ, hề có chuyện gì dính líu trách nhiệm bèn thoái thác còn chẳng kịp, há lại tranh giành ư? Chẳng có ai làm, chính mình có năng lực để làm thì phải làm, đó gọi là “*đương nhân bất nhượng*” (gặp chuyện nhân bèn chẳng nhường). Nếu có kẻ khác có thể làm được, sao không nhường cho kẻ khác làm?

Nếu quý vị muốn thành tựu đạo nghiệp trong một đời này, nhất định là trước hết phải buông danh lợi xuống, quyết định đừng nên tranh danh tranh lợi. Đó là sự tổn hại lớn nhất. Do vậy, hãy buông xuống, đầu tiên là phải buông danh lợi xuống, [vì] tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thấy đều là căn bản của địa ngục. Hễ có một điều chẳng thể buông xuống, nói cách khác, quý vị chẳng tránh khỏi bị dính líu với địa ngục. Chẳng tránh khỏi bị liên hệ thì nói cách khác, rất dễ dàng bị nó lôi vào. Vì vậy, nếu quý vị chẳng muốn đọa địa ngục, chắc chắn là quý vị phải buông tham, sân, si, mạn, tiếng tăm, lợi dưỡng xuống. Mỗi điều trong cái được gọi là “*năm cái rễ của địa ngục*” đều có thể lôi quý vị đọa địa ngục. Nếu có đủ năm điều, quý vị còn có thể thoát nổi hay chẳng? Quyết định là trốn không thoát.

Nhưng là phạm phu thì phiền não tập khí từ vô lượng kiếp tới nay rất nặng, nghe đức Phật giảng kinh giác ngộ đôi chút, [bèn cảm thấy]: “Đúng quá! Hay lắm, ta buông xuống liền!” Hai hôm sau, do chẳng nghe kinh, chúng lại trôi lên, quên sạch bách kinh Phật, lại tạo tội nghiệp, làm sao được nữa? Vì thế, kinh phải giảng mỗi ngày, niệm mỗi ngày, là do đạo lý này! Đạo tràng xưa kia thù thắng vì giảng kinh mỗi ngày, niệm Phật mỗi ngày. Một ngày giảng kinh tám tiếng đồng hồ, niệm Phật tám tiếng đồng hồ, thời gian còn lại quý vị bèn thật thà đi ngủ. Vì sao? Mệt mỏi, chẳng có tinh thần. Ở trong đạo tràng ấy ba năm, thật sự có thành tựu. Đạo tràng hiện thời lơ lửng, biếng nhác, chẳng có ai đốc thúc quý vị, tu hành hoàn toàn phải cậy vào chính mình. Nhưng người hiện thời có phước báo của người hiện thời. Nếu quý vị thật sự phẫn chấn tinh thần, người khác chẳng học, ta học. Ta mỗi ngày nghe kinh tám tiếng

đồng hồ. Ta nghe băng thâu âm, mang máy nghe nhạc cá nhân để nghe. Ta mỗi ngày niệm Phật tám tiếng đồng hồ, ta nghe Phật hiệu, dùng máy nghe nhạc cá nhân để nghe, hoặc dùng máy niệm Phật, đeo ông nghe riêng, chẳng làm phiền kẻ khác, [làm như thế] sẽ chẳng kém đạo tràng thời cổ. Người hiện thời có phước báo này, cổ nhân có năm mộng cũng chẳng dám mong cầu. Người thời nay có phước báo này, nói cách khác, quý vị có biết dùng hay không? Quý vị có biết hưởng phước này hay không? Mỗi ngày nghe kinh tám tiếng đồng hồ là hưởng phước!

Có không ít đồng tu ở vùng Bắc Kinh, Thiên Tân nghe băng thâu âm của tôi. Tôi đến Bắc Kinh, họ đến đón tiếp tôi, nói: Họ có phước báo lớn hơn người Đài Loan, lớn ở chỗ nào? “Người Đài Loan nghe pháp sư giảng kinh, mỗi tuần mới nghe hai giờ, mỗi tuần nghe hai lần. Kinh Vô Lượng Thọ giảng hai lần, nghe hai lần, chúng tôi mỗi ngày nghe năm sáu lần, nghe hằng ngày”. Họ lấy băng thâu âm, mỗi ngày nghe bảy tám cuộn băng, nghe hai mươi mấy ngày là nghe xong một bộ kinh. Nghe xong, bèn nghe lại từ đầu đến cuối. Họ nói “chúng tôi có phước báo to hơn người Đài Loan” là có lý. Họ hưởng thụ lợi ích do máy móc khoa học đem lại, thật sự dùng được! Đó mới là người thật sự có phước. Họ càng nghe càng hoan hỷ. Nghe xong còn thâu lại, mỗi lần nghe xong lại thâu thêm một bộ. Thâu thêm một bộ để tặng cho người khác nghe. Vị đồng tu ấy kể với tôi là đã thâu ba mươi mấy bộ. Chúng tôi nghe kể rất cảm động. Ba mươi mấy bộ được gởi đi các nơi, mạn Bắc gởi tới Cáp Nhĩ Tân, Trường Xuân; phía Tây gởi đến Tứ Xuyên, mặt Nam gởi tới Vân Nam, gởi tặng rất xa! Mỗi tháng chỉ thu nhập hơn một trăm Nhân Dân Tệ, tức là sáu bảy trăm đồng Đài Loan, giảm bớt chi tiêu để mua băng thâu âm lưu thông, thật sự lỗi lạc! Hoàng lão cư sĩ nói: “Đài Loan chẳng có đạo tràng, chẳng có người tu hành, toàn là giả, đều chẳng thật. Phật pháp thật sự, người tu hành thật sự là ở Đại Lục”. Chúng tôi nghe xong rất hổ thẹn.

(Diễn) Phi Hữu tác thường Tịch hạ cứu cú, kết quy Tịch Chiếu nan tư.

(演)非有則常寂下九句，結歸寂照難思。

(Diễn: Chín câu từ “chẳng phải là Có nên thường Tịch” trở đi nhằm kết quy [ý nghĩa] Tịch Chiếu khó nghĩ tưởng).

Đoạn này nhằm tổng kết “*phi Hữu tắc thường Tịch, phi Vô tắc thường Chiếu, phi song diệt, phi song phi, tắc bất Tịch bất Chiếu, nhi Chiếu nhi Tịch, ngôn tư lộ tuyệt, vô khả danh trạng*” (chẳng phải là Có nên thường Tịch, chẳng phải là Không nên thường Chiếu. Chẳng phải là đều có, chẳng phải là đều không, nên chẳng Tịch chẳng Chiếu mà lại vừa Chiếu vừa Tịch, nói năng, suy nghĩ dứt bật, chẳng thể gọi tên hay diễn tả hình dạng được). Trạng (狀) là hình trạng, Danh (名) là tên gọi, lia tướng danh tự, lia tướng ngôn thuyết, lia hết thấy sắc tướng, vậy thì làm như thế nào? “*Có duy nhất tâm*” (Nên chỉ là nhất tâm), khi ấy mới nói xuyên suốt chân tướng của hết thấy các pháp. Nói xuyên suốt sẽ là nhất tâm. “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, xác thực là nhất tâm.

(Sao) Tư tắc năng sở tình tiêu, hữu vô kiến tận.

(鈔)斯則能所情消，有無見盡。

(Sao: Cho nên tình thức Năng lẫn Sở đều tiêu, kiến giải Có và Không đều hết).

Hai câu này nói hết sức hay, chúng ta hãy xem chú giải:

(Diễn) Tư tắc hạ tổng kết thượng nhị. Năng Sở tình tiêu, tức Như Trí bất nhị. Hữu Vô kiến tận, tức Tịch Chiếu nan tư.

(演)斯則下總結上二。能所情消，即如智不二；有無見盡，即寂照難思。

(Diễn: Từ chữ “cho nên” trở đi là tổng kết hai [ý nghĩa] trong đoạn trên, tình thức Năng lẫn Sở đều tiêu chính là “Như và Trí chẳng hai”; kiến giải Có và Không đều hết chính là “Tịch và Chiếu khó nghĩ tưởng”).

“*Kiến*” là kiến giải. Đối với hết thấy vạn pháp, quý vị có kiến giải là Có hay là Không. Bỏ sạch những kiến giải ấy thì là Tịch Chiếu chẳng thể nghĩ bàn.

(Sao) Thanh tịnh bản nhiên chi thể, cánh hữu hà pháp nhi vi tạp loạn.

(鈔)清淨本然之體，更有何法而為雜亂。

(Sao: Cái Thể thanh tịnh bốn nhiên, há còn có pháp nào để tạp loạn được nữa).

“*Thanh tịnh bốn nhiên chi thể*” là tự tánh, là chân tâm của chính mình. Tự tánh chân tâm hiển lộ, bèn gọi là “*thành Phật*”, thuộc về Lý nhất tâm bất loạn, “*cánh hữu hà pháp nhi vi tạp loạn*” (còn có pháp gì để tạp loạn được nữa), chẳng có pháp nào!

(Sao) Dĩ kiến Đé cố, danh Lý nhất tâm dã.

(鈔)以見諦故，名理一心也。

(Sao: Do đã thấy các Đé, nên gọi là Lý nhất tâm).

Tam Đé Tam Quán đều viên dung, đó là Lý nhất tâm.

(Sao) Ngôn Huệ giả, năng chiếu vọng cố. Kiêm Định giả, chiếu vọng bốn không, vọng tự phục cố.

(鈔)言慧者，能照妄故。兼定者，照妄本空，妄自伏故。

(Sao: Nói là Huệ vì nó có thể chiếu thấu vọng. “Kèm thêm Định” vì nó chiếu thấu suốt vọng vốn là Không, nên vọng tự bị chế phục).

Lý nhất tâm là Huệ, là Bát Nhã Ba La Mật. Trong Huệ, nhất định có Định, vì sao? Chẳng có Định, bèn chẳng có Huệ, Huệ từ Định khởi. Có Định, chưa chắc đã có Huệ. Có Huệ bèn nhất định có Định. Vì sao nói “có Định, chưa chắc đã có Huệ”? Định chẳng đủ sâu, giống như nước đục ngầu, tuy bất động, đã định, nhưng vẫn chưa hoàn toàn trầm lắng, nước trong chẳng hiện tiền, vẫn là nước đục, nhưng xác thực là nước bất động. Do vậy, tu Định, Tứ Thiên Bát Định thế gian chẳng có Huệ. Định của hàng Tiểu Thừa còn sâu hơn Tứ Thiên Bát Định. [Định của Tiểu Thừa là] Cửu Thứ Đệ Định, là chứng đắc của A La Hán và Bích Chi Phật, cũng chẳng có Huệ. Vì sao? Chưa phá vô minh, giống như nước tuy đã định, nhưng vẫn dơ đục như cũ, chẳng thanh tịnh. Ất là những thứ dơ bẩn đều phải chìm xuống, hoàn toàn hiển lộ nước trong, sẽ khởi tác dụng Chiếu. Do vậy, Huệ nhất định có Định, Định nhất định có Giới. Do Giới sanh Định, do Định sanh Huệ. Do đó, có Huệ thì Tam Học

Giới, Định, Huệ nhất định trọn đủ. Người có Giới chưa chắc đã có Định, người có Định chưa chắc đã có Huệ, nhất định phải biết điều này.

“*Huệ, năng chiếu vọng cố*” ([Lý nhất tâm là] Huệ vì có thể chiếu vọng), “*vọng*” là vọng tưởng, phá sạch vọng tưởng của quý vị. “*Kiểm Định*” (Kèm thêm Định), trong Huệ nhất định có Định. “*Chiếu vọng bốn không, vọng tự phục cố*” (Do soi chiếu vọng vốn là Không, nên vọng tự bị khuất phục), vọng bị khuất phục thì chính là Định.

(Sao) *Hựu Chiếu năng phá vọng, bất dẫn phục cố.*

(鈔)又照能破妄，不但伏故。

(Sao: *Lại Chiếu có thể phá vọng, không chỉ là chế phục.*)

Chế phục vọng là tiểu huệ. Tiểu huệ có thể chế phục vọng tưởng. Giống như nay chúng ta nghe kinh, nếu chú ý rất chú ý nghe kinh, những ý nghĩa trong kinh đều có thể lãnh hội, sẽ tự nhiên do một chút tiểu huệ ấy mà chế phục vọng tưởng. Nhưng sau khi đã thật sự đắc Định, trong Định khai Huệ, phá vọng tưởng, vọng tưởng chẳng còn. Chuyển phiền não thành Bồ Đề, vọng tưởng vừa bị chiếu liền biến thành Bồ Đề, ngay lập tức chuyển biến. Từ nay trở đi, vọng tưởng, phiền não đều chẳng có, biến thành vô lượng trí huệ Bồ Đề. Do đó, vọng tưởng và phiền não cũng chẳng phải là thứ gì xấu xa, hễ được biến đổi sẽ trở thành vô lượng trí huệ, vô lượng phương tiện thiện xảo, có thể lợi ích hết thảy chúng sanh. Nhưng khi chưa thể chuyển, phải luân hồi trong tam đồ lục đạo, khổ chẳng thể nói nổi! Phải luôn giác ngộ điều này.

Do đó, phải thường nghe kinh, phải nghe nhiều, nghe lần này sang lần kia, quyết định chẳng thể nói: “Tôi đã nghe kinh này một lần, chẳng cần nghe nữa”. [Kẻ nói như vậy là] người ngu, có chấp trước, chẳng được thọ dụng. Thật sự được thọ dụng thì tất nhiên là cứ nghe một lần bèn được thọ dụng một lần. Hôm nay chúng tôi giảng đến chỗ này!